TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22-8-2024
Về: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mộng Thu
Bà Huỳnh Ngọc Dung

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Quốc Tín, thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà***: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 194/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Lệ T, sinh năm 1972. HKTT: Tổ 8, Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: A115 tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Phú T1, sinh năm 1966. HKTT: Tổ 8, Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2024 và quá trình tố tụng tại tòa bà Trương Thị Lệ T *trình bày:* Tôi và ông Nguyễn Phú T1 có tìm hiểu, thấy tình cảm giữa hai người thương yêu nhau nên chúng tôi quyết định tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật do UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 01-12-2016. Việc kết hôn của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc bởi bất cứ ai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chúng tôi sống có hạnh phúc. Tuy nhiên qua thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều ý kiến bất đồng, thường xuyên cãi vã, không có sự chia sẻ đồng cảm với nhau, ông T1 thường xuyên ăn nhậu, bạo lực gia đình. Cả hai không thể giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, ảnh hưởng cuộc sống của cả hai bên. Giữa chúng tôi đã ly thân từ giữa tháng 04/2024

cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chúng tôi không qua lại chăm sóc lẫn nhau. Chúng tôi có cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tại Tòa bà T yêu cầu: Ly hôn đối với ông Nguyễn Phú T1. Về con chung: Có 02 con Nguyễn Hoài N, giới tính: nam, sinh ngày: 25-12-1994 và Nguyễn Ngọc Hoài T2, giới tính: nữ, sinh ngày: 23-5-2000. Con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng ông Nguyễn Phú T1 *xác nhận:* Tôi và bà Trương Thị Lệ T đã sống chung và đăng kí kết hôn vào ngày 01-12-2016 theo đúng quy định của pháp luật tại UBND xã P, huyện L, tỉnh BR - VT. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi sống rất hạnh phúc, và cũng có đôi lúc cãi vã nhau nhưng không ảnh hưởng tới tình cảm vợ chồng. Thời gian gần đây khoảng tháng 3 năm 2024 vì kinh tế gia đình khó khăn nên chúng tôi quyết định bán nhà để giải quyết khoản nợ vay ngân hàng, sau đó số tiền dư ra chúng tôi mua một căn nhà cấp 4 tại ấp H, xã P để sinh sống, trong thời gian sửa chữa nhà mới thì tôi có làm lễ ăn nhậu với những người nhà, họ hàng trong gia đình và trong lúc nhậu thì tôi và vợ có cãi nhau nhưng mâu thuẫn không quá trầm trọng, sau đó bà T bỏ đi xuống nhà e vợ ở, khi sửa xong nhà thì tôi có gọi vợ về làm hòa và sinh sống, bà T về ở được 3 ngày thì em vợ tôi có gọi điện rủ tôi qua nhà nhậu, lúc đó vợ tôi có nói "đi đi rồi là thấy cái cảnh", nói xong bà T bỏ đi khỏi nhà cho đến nay. Tôi có gọi điện để kêu vợ về làm hòa và chung sống nhiều lần nhưng bà T không về, vợ chồng tự sống ly thân từ đó. Nay do tôi vẫn còn tình cảm với bà T, yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Trường hợp phải giải quyết ly hôn ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vợ chồng có 02 con theo lời trình bày của bà T là đúng. Các con chung đã trưởng thành ông T1 không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và các đương sự tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự tuân theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị Lệ T yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Phú T1, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T1 hiện đang sinh sống tại huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Lệ T và ông Nguyễn Phú T1 sống chung từ năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T ông T1 xác nhận: Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã P, huyện L. Cuộc sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 3/2024 tự sống ly thân đến nay. Nguyên nhân: Bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Bà T xác nhận không còn tình cảm đối với ông T1 yêu cầu được ly hôn. Ông T1 cho rằng còn tình cảm với bà T và thương yêu các con nên không đồng ý ly hôn. Việc ông T1 không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm của vợ chồng, trên thực tế vợ chồng tự sống ly thân nhau. Xét thấy, hôn nhân của 2 người lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu ly hôn có cơ sở, xét chấp nhận.

[2.2] Xét về con chung: Con chung đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà T ông T1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 19, Điều 56. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Lệ T đối với ông Nguyễn Phú T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Lệ T được ly hôn ông Nguyễn Phú T1.

- Về con chung: Có 02 con Nguyễn Hoài N, sinh ngày: 25-12-1994 và Nguyễn Ngọc Hoài T2, sinh ngày: 23-5-2000. Con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trương Thị Lệ T nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004589 ngày 03-6-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND h.Long Điền;
- Thi hành án dân sự h.Long Điền;
- UBND xã Phước Tỉnh, H. Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (số đăng ký 223 ngày 01-12-2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc